

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HSPT
Ngày 15 tháng 02 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Khang**
Các Thẩm phán: Ông **Châu Văn Mỹ**
Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

- Thư ký phiên tòa : Ông **Lâm Trấn Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thục Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BL xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số : 99/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số : 24/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh BL.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ MỸ D**, sinh năm 1970, tại tỉnh Hậu Giang;
Tên gọi khác: Mỹ H

Nơi ĐKKHKT: ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh HG; chỗ ở: ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh BL; nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Bảy (chết) và bà Nguyễn Thị Diệu (chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Hồng Trung, sinh năm 1985 (không đăng ký kết hôn) và 04 người (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2013). Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/9/2020 đến nay (có mặt).

- Bị cáo không kháng cáo:

Họ và tên: **LÊ THỊ C**, (tên gọi khác: Đ, T); sinh năm 1989, tại tỉnh Tiền Giang; ĐKKHKT: Ấp MB, xã PL, huyện TP, tỉnh TG; chỗ ở: Ấp T A, xã T, huyện C, Thành phố H (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D:* Ông **Cao Thế L**, là Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Kao Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BL (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ **Ngô Kim G** (Tên gọi khác: N), sinh năm 1990, địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh BL (vắng mặt).

2/ **Lương Minh N** (Tên gọi khác: K), sinh năm 1978, địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thị xã G, tỉnh BL (vắng mặt).

3/ **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện VL, tỉnh BL (vắng mặt).

4/ **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp S, xã H, huyện VL, tỉnh BL (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 10 phút ngày 18/7/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh BL tiến hành kiểm tra quán cà phê “Mỹ H” thuộc ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh BL phát hiện: Tại phòng thứ nhất, Lương Minh N (K), có hành vi bán dâm cho Nguyễn Thanh H; Tại phòng thứ hai, Ngô Kim G (N) có hành vi bán dâm cho Nguyễn Văn Tèo. Thời điểm này, Lê Thị C (tên gọi khác: Đ, T) là người quản lý, trông coi quán. Tại hiện trường tang vật bị tạm giữ gồm:

Tại phòng thứ nhất: 01 (Một) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (Một) vỏ bao cao su đã qua sử dụng hiệu Younglovers; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen và số tiền 190.000 đồng của Lương Minh N. Ngoài ra, qua kiểm tra trên người của Nguyễn Thanh H còn thu giữ số tiền 400.000 đồng.

Tại phòng thứ hai: 01 (Một) bao cao su đã qua sử dụng; 01 (Một) vỏ bao cao su đã qua sử dụng hiệu AOXINNI; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng đồng và số tiền 250.000 đồng của Ngô Kim G. Ngoài ra, qua kiểm tra trên người của Nguyễn Văn T còn thu giữ số tiền 400.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Vào ngày 07/6/2015, Nguyễn Thị Mỹ D (Mỹ H) đã ký Hợp đồng thuê nhà và đất thuộc ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh BL của bà Đặng Thị L trong thời hạn 04 năm, kể từ ngày 07/6/2015 đến ngày 07/6/2019. Sau đó, D dùng phần nhà và đất này để kinh doanh quán cà phê, sinh sống tại quán lấy tên quán là Mỹ H. Đến khi Hợp đồng thuê nhà đất hết hạn bà Đặng Thị Lợi bán phần đất này lại cho bà Tạ Thị Ng. Ngày 15/4/2020, bà Ng có ký Hợp đồng cho D thuê trong thời hạn từ ngày 15/4/2020 đến ngày 15/12/2020; do nhận thấy chủ đất mới (bà Ng) tính tình khó khăn, sợ khi có tranh chấp về hợp đồng thuê nhà, đất D sẽ không có thời gian tham gia giải quyết nên đề

Nguyễn Hồng Trung là chồng của D đứng ra ký hợp đồng thuê nhà, đất của bà Nghia. Tuy nhiên, mọi hoạt động mua bán tại quán cà phê Mỹ H do D là người trực tiếp đứng ra quản lý.

Do thấy việc chứa mại dâm có thu lợi cao nên Nguyễn Thị Mỹ D đồng ý cho Lương Minh N (K), Ngô Kim G (N) là nhân viên bán cà phê của quán bán dâm cho khách tại khu vực các phòng phía sau quán cà phê Mỹ H. D thỏa thuận với Nguyệt, Giàu là khi có khách đến quán uống cà phê có nhu cầu mua dâm thì Ng, G sẽ tự tiếp cận với khách và đưa ra mức giá bán dâm với khách, sau mỗi lượt bán dâm tại quán hoặc đi nơi khác thì N, G đều phải trả cho D số tiền là 50.000 đồng.

Đến ngày 14/7/2020, D về ấp 4, xã T, huyện PH, tỉnh H, để lo đám tang mẹ. Lúc này, D có gọi điện thoại cho Lê Thị C (tên gọi khác: T. Đ) là nhân viên cũ của quán cà phê Mỹ H (trước đây C cũng từng bán dâm cho khách tại quán của D và mỗi lần bán dâm đều đưa cho D 50.000 đồng) để nhờ C quản lý quán bao gồm bán nước và thu tiền 50.000 đồng mỗi lượt của N và G bán dâm cho khách. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/7/2020 đến ngày 18/7/2020, N và G mỗi người đã bán dâm cho khách tại quán Mỹ H (các căn phòng phía sau quán) được 04 lần, mỗi lần bán dâm cho khách với giá từ 250.000 đồng - 300.000 đồng, mỗi lần bán dâm N và G đều đưa cho C số tiền 50.000 đồng để C giữ số tiền này, chờ khi D về sẽ đưa lại cho D. Khi D tổ chức đám tang cho mẹ xong quay về quán cà phê Mỹ H thì Chúc đưa cho D số tiền 3.600.000 đồng (trong đó: tiền bán quán là 2.400.000 đồng, tiền hui của bà Nguyễn Thị Thu S là 900.000 đồng, tiền bán dâm của N và G là 300.000 đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh BL đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D (Mỹ H), Lê Thị C (Đ, T), phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 29/9/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm n, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2021 bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D thay đổi nội D kháng cáo, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BL phát biểu quan điểm:

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo kêu oan; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội D kháng cáo, xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt. Xét việc thay đổi kháng cáo của bị cáo D là phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội D: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ chấp nhận. Từ đó, có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D đã nhiều lần dùng nơi ở thuộc quyền quản lý của mình để cho Ngô Kim G, Lương Minh N bán dâm cho người khác. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VL xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, mức án 05 năm tù đã tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D, giữ nguyên án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo D.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D có quan điểm bào chữa: Do bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội nên không tranh luận với Kiểm sát viên về hành vi, tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đồng thời trước đây bị cáo có thời gian làm dâu trong gia đình có thờ cúng liệt sĩ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo D thay đổi nội D kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời thừa nhận: Quán cà phê Mỹ H, tọa lạc tại ấp PT, xã LT, huyện VL, tỉnh BL thuộc quyền quản lý của bị cáo. Bị cáo đồng ý cho Ngô Kim G, Lương Minh N bán dâm tại khu vực phòng phía sau quán, mỗi lần bán dâm G và N phải trả cho bị cáo 50.000 đồng. Ngày 14/7/2020, bị cáo về HG để lo mai táng cho mẹ ruột nên nhờ bị cáo Lê Thị C (Đ. T) quản lý quán và thu tiền đi khách (bán dâm) từ G và N. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Lê Thị C và người bán dâm Ngô Kim G, Lương Minh N về thời gian, địa điểm, diễn biến việc bị cáo D cho G và N bán dâm tại quán cà phê “Mỹ H” nên có căn cứ chấp nhận.

[2] Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D đã có hành vi dùng nơi ở thuộc quyền quản lý của mình để cho Ngô Kim G, Lương Minh N thực hiện hành vi bán dâm cho người khác. Ngày 14/8/2020 bị cáo giao lại địa điểm trên cho Lê Thị C quản lý quán, thu hộ tiền bán dâm của G và N. Đến 22 giờ 10 phút ngày 17/8/2020, trong lúc N và G đang bán dâm cho người khác thì bị Công an thuộc Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh BL tiến hành kiểm tra, phát hiện lập biên bản. Với hành vi trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VL đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D về tội “Chứa mại dâm” với tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới so với án sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo bị xử phạt về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 năm tù, chỉ ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật đã quy định là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Hơn nữa, bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BL, giữ nguyên án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2021/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh BL đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D (Mỹ H), phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D (Mỹ H) 05 (năm) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 29/9/2020.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D (Mỹ H) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BL (02b);
- CQTHA hình sự huyện VL (01b);
- CQĐT huyện VL (01b);
- VKSND huyện VL (01b);
- TAND huyện VL (02b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh BL (01b);
- Chi cục THADS huyện VL (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh BL (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (01b)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Khang

